|  |
| --- |
| **PHỤ LỤC** |
| **QUY ĐỊNH MỘT SỐ MỨC CHI ĐẶC THÙ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** |
| *( Kèm theo Quyết định số: 38 /2012/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2012 của UBND thành phố Đà Nẵng )* |
|  |  |  |  | *ĐVT: 1.000 đồng* |
| **Stt** | **Nội dung chi** | **Đơn vị tính** | **Mức chi tối đa** | **Ghi chú** |
| **I** | **Xây dựng và xét duyệt đề án, chương trình, kế hoạch** |   |   |  |
| 1 | Xây dựng đề cương  |   |   | Tùy theo quy mô, tính chất và nhiệm vụ của từng Chương trình, đề án |
| a | Xây dựng đề cương chi tiết | Đề cương | 500 |   |
| b | Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát  | Chương trình, đề án | 1.000 |   |
| 2 | Xét duyệt đề án, chương trình, kế hoạch |   |  |   |
| a | Chủ tịch hội đồng  | Người/buổi | 200 |   |
| b | Thành viên hội đồng, thư ký | Người/buổi | 150 |   |
| c | Đại biểu được mời tham dự  | Người/buổi | 70 |   |
| d | Nhận xét, phản biện của Hội đồng  | Bài viết | 200 |   |
| e | Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng  | Bài viết | 150 |   |
| 3 | Lấy ý kiến thẩm định đề án, chương trình, kế hoạch bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý | Bài viết | 300 | Trường hợp không thành lập Hội đồng |
| **II** | **Chi thực hiện đề án, Chương trình, kế hoạch**  |  |  |  |
| 1 | Chi thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên, cộng tác viên, hoà giải viên |   |  |   |
| a | Thù lao báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, cộng tác viên tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt và tổ hoà giải cơ sở | Người/buổi | 200 | Tuỳ theo trình độ của báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật, tính chất nghiệp vụ phức tạp của từng đợt, buổi tuyên truyền, hướng dẫn |
| b | Tài liệu, văn phòng phẩm, sổ sách… phục vụ công tác hoà giải cơ sở | Tổ/tháng | 100 |   |
| c | Thù lao hòa giải cơ sở | Vụ việc/tổ | 100 | Căn cứ vào xác nhận của UBND xã về số vụ việc nhận hoà giải của tổ hoà giải cơ sở |
| 2 | Biên dịch tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật |   |  |   |
|  - | Biên dịch tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật bằng tiếng dân tộc thiểu số | Trang | 60 | Tối thiếu mỗi trang phải đạt 300 từ của văn bản gốc |
| 3 | Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt |   |  |   |
|  - | Chi hỗ trợ tiền ăn cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật | Người/ngày | 20 | Không quá 1 ngày |
|  - | Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt | Người/buổi | 5 |   |
| 4 | Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số, thuê người dẫn đường |   |  |   |
| a | Chi phiên dịch tiếng dân tộc thiểu số kiêm người dẫn đường (đối với trường hợp phải thuê ngoài) | Ngày | Tối đa 200% mức lương tối thiểu chung, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính | Chỉ áp dụng đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật lưu động, sinh hoạt chuyên đề pháp luật, sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt tại vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho cán bộ thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật |
| b | Chi thuê người dẫn đường (không phải phiên dịch) | Ngày | Tối đa 130% mức lương tối thiểu chung, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho khu vực quản lý hành chính |
| 5 | Chi tổ chức các cuộc thi |   |  |   |
| a | Chi biên soạn đề thi (bao gồm cả hướng dẫn và biểu điểm) | Đề thi | Thực hiện theo quy định của Liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn mức chi xây dựng ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi cấp địa phương và cấp quốc gia |   |
| b | Chi bồi dưỡng chấm thi (Ban giám khảo), xét công bố kết quả cuộc thi (tối đa không quá 7 người) | Người/ngày | 150 | Tối đa không quá 5 ngày  |
| c | Chi bồi dưỡng cho thành viên ban tổ chức cuộc thi |   |  |   |
|  - | Chủ tịch, phó Chủ tịch, Thư ký, thành viên hội đồng thi  | Người/ngày | 150 |   |
| d | Chi giải thưởng  |   |  |   |
|   | \* Cuộc thi tổ chức quy mô cấp thành phố |   |  |   |
|   | - Giải nhất: | Giải thưởng |  |   |
|   | + Tập thể  |   | 1.500 |   |
|   | + Cá nhân |   | 750 |   |
|   | - Giải nhì | Giải thưởng |  |   |
|   | + Tập thể  |   | 1.000 |   |
|   | + Cá nhân |   | 500 |   |
|   | - Giải ba | Giải thưởng |  |   |
|   | + Tập thể  |   | 800 |   |
|   | + Cá nhân |   | 400 |   |
|   | - Giải khuyến khích | Giải thưởng |  |   |
|   | + Tập thể  |   | 500 |   |
|   | + Cá nhân  |   | 250 |   |
|   | \* Cuộc thi tổ chức quy mô cấp huyện |   |  |   |
|   | - Giải nhất: | Giải thưởng |  |   |
|   | + Tập thể  |   | 1.000 |   |
|   | + Cá nhân  |   | 600 |   |
|   | - Giải nhì | Giải thưởng |  |   |
|   | + Tập thể  |   | 800 |   |
|   | + Cá nhân  |   | 500 |   |
|   | - Giải ba | Giải thưởng |  |   |
|   | + Tập thể  |   | 600 |   |
|   | + Cá nhân  |   | 400 |   |
|   | - Giải khuyến khích | Giải thưởng |  |   |
|   | + Tập thể  |   | 400 |   |
|   | + Cá nhân  |   | 200 |   |
|   | \* Cuộc thi tổ chức quy mô cấp xã |   |  |   |
|   | - Giải nhất: | Giải thưởng |  |   |
|   | + Tập thể  |   | 800 |   |
|   | + Cá nhân  |   | 500 |   |
|   | - Giải nhì | Giải thưởng |  |   |
|   | + Tập thể  |   | 600 |   |
|   | + Cá nhân  |   | 400 |   |
|   | - Giải ba | Giải thưởng |  |   |
|   | + Tập thể  |   | 400 |   |
|   | + Cá nhân |   | 250 |   |
|   | - Giải khuyến khích | Giải thưởng |  |   |
|   | + Tập thể  |   | 300 |   |
|   | + Cá nhân  |   | 150 |   |
|  |   |   |  |   |